

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 68/2024/HS-ST

Ngày 07/8/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH

*** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thành.

- Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Túy

Ông Vũ Văn Sâm

*** Thư ký ghi biên bản phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh Huyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 62/2024/HSST ngày 22 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2024/HSST-QĐ ngày 25 tháng 7 năm 2024, đối với bị cáo:

Phạm Bảo N (tên gọi khác: Không), sinh ngày 08/5/2004, tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12.

Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam.

Con ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1981 và bà Vũ Thị C, sinh năm 1980.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai.

Vợ con: Chưa.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại, triệu tập có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Anh Phan Vũ G, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Lương Ngọc T, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà A, tổ D, thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

2. Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

2.3. Người làm chứng:

1. Anh Lê Đức A, sinh năm 2004

2. Anh Phan Văn T1, sinh năm 1974

Đều có địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

3. Chị Nguyễn Thị T2, sinh năm 1978

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện T, thành phố Hà Nội.

4. Anh Tường Duy T3, sinh năm 1990

Địa chỉ: Thôn C, xã L, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

(Tại phiên tòa vắng mặt những người làm chứng)

PHẦN NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Bảo N có giấy phép lái xe hạng A1, số 330226716534 do Sở giao thông vận tải tỉnh H cấp ngày 20/9/2022. Tối ngày 30/01/2024, N cùng bạn là anh Phan Vũ G, anh Lê Đức A chơi bida ở quán (không nhớ tên, địa chỉ) thuộc xã Q, huyện Q. Đến 23 giờ 45 phút, cả ba dừng chơi đi về. Anh Đức A điều khiển xe mô tô biển số 17B5-665.08 đi trước, N điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Boss, màu sơn nâu, biển số 17B1-559.78 chở anh G (cả hai không đội mũ bảo hiểm) đi từ quán bida theo đường N, hướng cầu T đi xã Q, để về nơi anh G đang thực hiện nghĩa vụ Công an là Đội Cảnh sát chữa cháy và cứu nạn cứu hộ khu vực Q, ở xã Q, huyện Q. Khoảng 23 giờ 59 phút, xe mô tô N điều khiển đến km số 13 + 935 mét, đường N, thuộc tổ D, thị trấn Q, huyện Q. Đây là đoạn đường thẳng, mặt đường rải nhựa asphalt tương đối bằng phẳng rộng 10 mét, được chia thành 02 chiều đi, chiều cầu T đi xã Q và ngược lại, mỗi chiều rộng 05 mét, được phân chia bằng vạch sơn màu vàng, loại vạch đơn rộng 0,15 mét, kẻ nét đứt giữa tim đường. Giáp tim đường về hai bên là làn đường rộng 3,5 mét ngược chiều nhau, tiếp đến là làn đường rộng 1,5 mét, ngăn cách với làn đường rộng 3,5 mét bằng vạch sơn màu trắng, loại vạch đơn rộng 0,2 mét, kẻ nét đứt. Giáp mép đường về hai bên có rãnh vét thu nước mặt đường rộng 0,3 mét, tiếp đến vỉa hè lát gạch rộng 1,7 mét, cao hơn mặt đường 0,05 mét và khu vực dân cư, theo chiều xã Q đi cầu Tây có nhà số A của anh Lương Ngọc T, sinh năm 1982. Lúc này trời không mưa, đường không có đèn chiếu sáng, vắng phương tiện tham gia giao thông. Nhiên không sử dụng rượu bia, ma túy hoặc chất kích thích mạnh khác trước khi tham gia giao thông, điều khiển xe đi với tốc độ khoảng 20 đến 30 km/h, cách vạch kẻ tim đường khoảng 01 mét. Anh Đức A đi trước, qua

ánh sáng đèn xe thấy có 01 xe ô tô, nhãn hiệu Thaco, loại xe tải có mui, màu sơn trắng, kích thước bao (7700 x 2240 x 3250) mm, tải trọng 5000 kg, biển số 29C-487.02, sau biết do Lương Ngọc T điều khiển đỗ ở phía trước cửa số nhà A, đầu xe hướng cầu T, đuôi xe hướng xã Q, tâm bánh trục 1 bên phải cách lề đường bên phải 0,75 mét, tâm bánh ngoài trục 2 bên phải cách lề đường bên phải 0,68 mét, không có biển cảnh báo nguy hiểm trước và sau nên có quay đầu lại nhắc cho N biết. Tuy nhiên, N không nghe thấy. Lúc này, N điều khiển xe mô tô bằng tay phải, tay trái rút điện thoại từ túi quần trước bên trái ra giờ lên nhìn giờ, anh G ngồi sau xem điện thoại. Sau đó, N cầm điện thoại cho vào túi quần trái. Nhưng vì đáy túi quần chìa ra ngoài không cho điện thoại vào được nên N đã cúi xuống nhìn, chỉnh lại túi rồi cho điện thoại vào. Do điều khiển xe bằng một tay (tay phải), không quan sát đường nên xe mô tô N điều khiển đã đi sang chiều đường bên phải (hướng xã Q đi cầu T). Anh Đức A thấy vậy có hô lên “ô tô kìa”. Nhiên ngẩng mặt lên thì phần mũi chắn bùn trước, ốp mặt nạ, ốp nhựa đầu xe, mặt trước cánh yếm, cần số, giá đỡ chân trước bên trái xe mô tô đã va chạm với lớp, vành bánh bên trái trục 1, thanh chắn kim loại và thành thùng bên trái xe ô tô tải, vùng mặt và chân trái anh G va chạm với cần gương chiếu hậu và thành thùng bên trái xe ô tô tải. Xe mô tô đổ phải trượt về phía xã Q khoảng 02 mét, N ngã nằm gần giữa đường, anh G bị thương tích vùng đầu, chảy máu, nằm bất tỉnh cạnh bánh sau bên trái xe ô tô tải. Anh Đức A điều khiển xe quay lại. Nhiên tự đứng dậy điều khiển xe mô tô của Đức A tới Bệnh viện đa khoa huyện Q gọi xe rồi cùng anh Đức A đưa anh G đi cấp cứu; xe mô tô được người dân dựng vào sát mép đường bên phải chiều xã Q đi cầu T. Anh G bị thương tích vùng cánh mũi bên trái, mặt trước gối trái, vỡ lún xương trán, tụ máu dưới màng cứng vùng chẩm bên trái, tổn thương nhu mô não được chuyển Bệnh viện đa khoa tỉnh T, Bệnh viện H điều trị đến ngày 16/02/2024 xuất viện, tỷ lệ tổn thương cơ thể 64%; N bị xây dập da, chảy máu vùng đùi trái, mu và lòng bàn chân trái, không phải điều trị thương tích; xe mô tô bị hư hỏng, thiệt hại trị giá 715.000 đồng; xe ô tô tải không bị thiệt hại.

Nhận tin báo của Công an thị trấn Q, huyện Q, Đội Cảnh sát giao thông trật tự, Công an huyện Q đã tiếp nhận, xác minh sau chuyển Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Q giải quyết theo thẩm quyền.

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Bảo N đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Ông Phạm Văn Đ là bố đẻ bị cáo trình bày: Ông không trực tiếp chứng kiến sự việc, khi bị cáo N gọi báo cho ông biết bị tai nạn khi ông đến thì bị hại đã được đưa đi cấp cứu. Sau đó N có tác động đến gia đình bồi thường cho anh G, ông đã bồi thường cho anh G số tiền 50.000.000 đồng, số tiền ông bỏ ra bồi

thường không yêu cầu bị cáo N phải trả lại cho ông, chiếc xe mô tô N điều khiển là xe của ông. Ông không yêu cầu N phải bồi thường thiệt hại xe mô tô cho ông. Ngoài ra, ông không có ý kiến gì khác.

Anh Lương Ngọc T trình bày: Khoảng 22 giờ ngày 30/01/2024, anh có đi chở hàng về và để xe ở lòng đường trước cửa nhà mục đích anh để xe đến khoảng 01 giờ ngày hôm sau sẽ tiếp tục đi làm nên anh cũng không để cảnh báo, xe ô tô của anh để sát lề đường như thể hiện tại sơ đồ hiện trường vụ án là đúng. Khi sự việc bị cáo N điều khiển xe mô tô va chạm với xe ô tô của anh, anh cũng không biết sau đó được Công an gọi dậy anh mới biết sự việc xảy ra. Anh cũng nhận thức việc anh để xe không có biển cảnh báo là vi phạm luật giao thông đường bộ sau khi sự việc xảy ra anh đã tự nguyện hỗ trợ cho bị hại số tiền 21.000.000 đồng. Anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại xe ô tô của anh, ngoài ra anh không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên Cáo trạng số 71/CT-VKSQP ngày 22/7/2024 truy tố bị cáo Phạm Bảo N, về tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*” theo điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự và đề nghị HĐXX:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Bảo N phạm tội: “*Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ*”.

- Về áp dụng điều luật và hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Bảo N từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm đến 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Bảo N.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo Phạm Bảo N đã tác động gia đình tự nguyện thỏa thuận, bồi thường chi phí cứu chữa, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, bù đắp tổn thất về tinh thần và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc cho bị hại Phan Vũ G số tiền 50.000.000 đồng; Lương Ngọc T đã tự nguyện hỗ trợ cho Phan Vũ G số tiền 21.000.000 đồng. Bị hại đã nhận số tiền trên, không ai có yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra giải quyết.

- Ngoài ra, đề nghị HĐXX xem xét về vật chứng, án phí của vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo Phạm Bảo N nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật đề nghị HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất cải tạo tại địa phương.

PHẦN NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Phạm Bảo N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như cáo trạng đã mô tả. Phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông (kèm bản ảnh) do Đội Cảnh sát giao thông trật tự Công an huyện Q lập hồi 00 giờ 45 phút ngày 31/01/2024 và Công văn số 115/QLĐB-TCHC&QLBTĐB của Công ty cổ phần Q; Biên bản khám nghiệm các phương tiện liên quan đến vụ tai nạn giao thông (kèm bản ảnh) do Đội Cảnh sát giao thông trật tự Công an huyện Q lập hồi 08 giờ 45 phút và 09 giờ 55 phút ngày 02/02/2024 tại Công an thị trấn Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình; Giấy chứng nhận thương tích ngày 01/3/2024 của Bệnh viện Đ; Giấy chứng nhận tạm thời số 44/2024/VĐ-KHTH ngày 31/01/2024 của Bệnh viện H và Bệnh án của Phan Vũ G điều trị tại Bệnh viện H và Bệnh viện đa khoa tỉnh T; Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 99/KLTTCT-TTPY ngày 08/3/2024 của Trung tâm pháp y Sở Y; Công văn số 661/SGTVT-QLVTPT&NL ngày 27/3/2024 của Sở giao thông vận tải tỉnh Y; Kết quả xét nghiệm nước tiểu của Trung tâm y tế Q1, tỉnh Thái Bình lập ngày 31/01/2024 đối với Phạm Bảo N; Phiếu đo nồng độ cồn của Đội Cảnh sát giao thông trật tự Công an huyện Q đối với Phạm Bảo N hồi 8 giờ 09 phút ngày 31/01/2024; Bản kết luận định giá tài sản số 17/KL-HĐĐGTS ngày 22/4/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Q, tỉnh Thái Bình; Biên bản ghi lời khai của bị hại Phan Vũ G; Lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Lương Ngọc T, anh Phạm Văn Đ; Biên bản ghi khai của người làm chứng anh Lê Đức A, anh Phan Văn T1, chị Nguyễn Thị T2, anh Tường Duy T3 cùng toàn bộ các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[2.1] Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 23 giờ 45 phút ngày 30/01/2024, tại km số 13 + 935 mét, đường N, thuộc tổ D, thị trấn Q, huyện Q,

tỉnh Thái Bình, Phạm Bảo N có giấy phép lái xe hạng A1, điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Boss, màu sơn nâu, biển số 17B1-559.78, chở anh Phan Vũ G lưu thông trên chiều đường bên phải, hướng cầu T đi xã Q, do không chú ý quan sát, sử dụng điện thoại di động khi đang điều khiển xe nên đã đi sang chiều đường bên trái, phần chắn bùn trước, ốp mặt nạ, ốp nhựa đầu xe, mặt trước cánh yếm, cần số, giá đỡ chân trước bên trái xe mô tô và mặt, chân trái anh G va chạm với lớp, vành bánh bên trái trục 1, thanh chắn kim loại, cần gương chiếu hậu, thành thùng bên trái xe ô tô nhãn hiệu Thaco, loại xe tải có mui, màu sơn trắng, biển số 29C-487.02 do Lương Ngọc T điều khiển đỗ ở lề đường phía trước nhà số A bên phải chiều xã Q đi cầu T. Hậu quả: Anh G bị thương tích, tỷ lệ tổn thương cơ thể 64%; xe mô tô hư hỏng thiệt hại trị giá 715.000 đồng.

[2.2] Hành vi của bị cáo Phạm Bảo N vi phạm khoản 1 Điều 9, điểm c khoản 3 Điều 30 Luật Giao thông đường bộ.

“Điều 9. Quy tắc chung

1. Người tham gia giao thông phải đi bên phải theo chiều đi của mình, đi đúng làn đường, phần đường quy định và phải chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ”.

“Điều 30. Người điều khiển, người ngồi trên xe mô tô, xe gắn máy

...

3. Người điều khiển xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy không được thực hiện các hành vi sau đây:

- a) Đi xe dàn hàng ngang;*
- b) Đi xe vào phần đường dành cho người đi bộ và phương tiện khác;*
- c) Sử dụng ô, điện thoại di động, thiết bị âm thanh, trừ thiết bị trợ thính; ...”.*

Vì vậy, có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Phạm Bảo N đã phạm vào tội: *“Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự.

“Điều 260: Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ.

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho người khác thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

- a) Làm chết người;*
- b) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 01 người mà tỷ lệ tổn thương cơ thể 61% trở lên;*
- c) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61% đến 121%;*

d) Gây thiệt hại về tài sản từ 100.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Không có giấy phép lái xe theo quy định;

...”.

[2.3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội thì thấy: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang lo lắng cho người dân khi tham gia giao thông hậu quả gây thương tích cho 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 64%. Khi xem xét, cân nhắc áp dụng hình phạt đối với bị cáo, thấy rằng:

- Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Về các tình tiết giảm nhẹ: Sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, HĐXX thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, bởi: Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ đủ điều kiện áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo như đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ là phù hợp với quy định của pháp luật và đảm bảo công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm.

[2.4] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 260 Bộ luật Hình sự quy định: “Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”. Bị cáo Phạm Bảo N là lao động tự do, không hành nghề lái xe nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

- Quá trình điều tra bị cáo Phạm Bảo N đã tác động gia đình tự nguyện thỏa thuận, bồi thường chi phí cứu chữa, bồi dưỡng phục hồi sức khỏe, bù đắp tổn thất về tinh thần và thu nhập thực tế bị mất của người chăm sóc cho bị hại Phan Vũ G số tiền 50.000.000 đồng; Lương Ngọc T đã tự nguyện hỗ trợ cho

Phan Vũ G số tiền 21.000.000 đồng. Bị hại đã nhận đủ tiền không yêu cầu, đề nghị gì khác.

- Đối với thiệt hại xe của ông Phạm Văn Đ và anh Lương Ngọc T không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

[4] Về vật chứng:

- Đối với xe mô tô nhãn hiệu Boss, màu sơn nâu, biển số 17B1-559.78 bị cáo Phạm Bảo N điều khiển là của anh Phạm Văn Đ (bố đẻ bị cáo N) và xe ô tô, nhãn hiệu Thaco, loại xe tải có mui, màu sơn trắng, biển số 29C-487.02 là của Lương Ngọc T. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý tài sản, đồ vật, tài liệu trả xe mô tô, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho anh Đ; xe ô tô tải, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định, giấy phép lái xe hạng D cho T.

- Đối với Giấy phép lái xe hạng A1, số 330226716534 do Sở giao thông vận tải tỉnh H cấp ngày 20/9/2022 mang tên Phạm Bảo N cần trả lại cho bị cáo.

[5] Trong vụ án này:

- Chiếc xe ô tô tải biển số 29C-487.02 do Lương Ngọc T điều khiển đỗ ở phía trước cửa nhà, trên chiều đường bên phải, hướng xã Q đi cầu Tây từ tối ngày 30/01/2024 chiếm một phần đường xe chạy nhưng không đặt biển báo hiệu nguy hiểm, tâm bánh xe trục 1 và 2 bên phải cách lề đường bên phải lần lượt là 0,75 mét và 0,68 mét (vượt quá 0,25 mét), không có giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự. Tuy nhiên, do xe ô tô tải đỗ ở lề đường bên trái chiều đi của xe mô tô do Phạm Bảo N điều khiển. Nguyên nhân dẫn đến vụ tai nạn do N không chú ý quan sát, sử dụng điện thoại di động khi đang điều khiển xe đã đi sang chiều đường bên trái và chạm vào xe ô tô tải nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã không xử lý hình sự, chuyển hồ sơ để Công an huyện ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với T về các hành vi nêu trên là phù hợp.

- Hành vi điều khiển xe mô tô không đội mũ bảo hiểm, chở người ngồi trên xe mô tô không đội mũ bảo hiểm và điều khiển xe mô tô không có gương chiếu hậu bên trái của Phạm Bảo N; hành vi ngồi trên xe mô tô không đội mũ bảo hiểm của Phan Vũ G, Công an huyện Q đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

[6] Về án phí: Bị cáo Phạm Bảo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Bị cáo; Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Bảo N phạm tội: “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

2. Áp dụng pháp luật và hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 38; khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo Phạm Bảo N **01 (một)** năm **03 (ba)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là **02 (hai)** năm **06 (sáu)** tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/8/2024).

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Bảo N.

Giao bị cáo Phạm Bảo N cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thống nhất, thỏa thuận bồi thường xong. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu giải quyết.

4. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Phạm Bảo N 01 Giấy phép lái xe hạng A1, số 330226716534 do Sở giao thông vận tải tỉnh H cấp ngày 20/9/2022 mang tên Phạm Bảo N, sinh năm 2004; Nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

5. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Bảo N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 332; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo Phạm Bảo N, anh Phạm Văn Đ1 và anh Lương Ngọc T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/8/2024). Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp Thái Bình;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Cơ quan điều tra, Cơ quan
THAHS Công an huyện Quỳnh
Phụ;
- Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Hồng;
- Bị cáo; Những người tham gia tố
tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Thành